

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ AUTOK
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ AUTOK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AUTOK SERVICES & TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: AUTOK SERVICES & TRADING CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110667244

3. Ngày thành lập: 29/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thửa đất số 18B, đường Vạn Xuân, thôn Phú Đa, Xã Đức Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989243277

Fax:

Email: vanphongautok@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: Thang máy, thang cuốn; cửa cuốn, cửa tự động; dây dẫn chống sét; hệ thống hút bụi; hệ thống âm thanh; hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung. (Trừ lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp)	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động bán đấu giá)	4511
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động bán đấu giá)	4512
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động bán đấu giá)	4513
7.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520(Chính)
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động bán đấu giá)	4530

9.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động bán đầu giá)	4541
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động bán đầu giá)	4543
12.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa (trừ hoạt động đầu giá)	4610
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh	8299
17.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế cải tạo, thiết kế mới các cụm tổng thành ô tô và các sản phẩm cơ khí;	7110
18.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm tra hiệu ứng của máy đã hoàn thiện: Mô tô, ô tô, thiết bị điện...;	7120
19.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ Chi tiết: - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật cơ khí	7212
20.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
21.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
22.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
23.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (trừ gia công, xử lý và tráng phủ kim loại vàng miếng)	2592

24.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; (Theo Điều 4; Điều 7; Điều 8 Nghị định 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 Quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4932
25.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (theo quy định Điều 9 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4933
26.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không gồm hoạt động kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5610
27.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống; - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt; - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền. - Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp	5629
28.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không gồm hoạt động kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
29.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
30.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
31.	Xây dựng nhà để ở	4101
32.	Xây dựng nhà không để ở	4102
33.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
34.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn. - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đầu. (Trừ hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan)	4229
35.	Xây dựng công trình thủy	4291

